

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 57/2024/HC-ST

Ngày: 13-5-2024

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tám

Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Anh là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 18/2024/TLST-HC, ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc: “ Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2024/QĐXXST-HC ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị S, sinh năm 1958; Thường trú tại: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Địa chỉ liên lạc: Số A đường N, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chi nhánh Văn phòng Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đ.

2/ Ủy ban nhân dân thành phố P;

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Quốc T; Các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện là bà Trần Thị S, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Bà Trần Thị S được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 415636 (số vào sổ cấp GCN: CH 02085) ngày 04/4/2018 đối với thửa đất số 926, tờ bản đồ số 6, diện tích 300m² đất ở nông thôn tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà S được Ủy ban nhân dân thành phố P ghi nợ tiền sử dụng đất với số tiền là 48.000.000 đồng theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB 1871501 – TK 001287/TB-CCT ngày 07/3/2018 của Chi cục Thuế thành phố P. Đến ngày 28/01/2021 hết thời hạn ghi nợ tiền sử dụng đất 05 năm, Chi cục Thuế thành phố P tiếp tục ban hành Thông báo số 21/2021/TB-CCT yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ tiền sử dụng đất số tiền nêu trên. Ngày 29/01/2021, bà S đã nộp đủ số tiền sử dụng đất 48.000.000 đồng vào Ngân sách nhà nước thông qua Ngân hàng V1 – Chi nhánh B tại Giấy nộp tiền số 0004878, mã hiệu BTH 612421. Sau đó, bà S nộp hồ sơ xóa nợ tiền sử dụng đất. Ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ (Chi nhánh) ban hành Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT với nội dung hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà S. Nhận thấy việc từ chối giải quyết hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà S là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp của mình nên bà S khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết hủy Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ, buộc Chi nhánh Văn phòng Đ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B phải thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ có ý kiến tại Công văn số 1845/CNVPĐKĐĐPT-TTTLT ngày 27/02/2024 như sau:

Ngày 06/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S (do ông Trần Thanh V được ủy quyền nộp hồ sơ) tại biên nhận số 2023-20293/TNHS. Bà Trần Thị S đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 926, tờ bản đồ số 6, diện tích 300.0m² đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 415636 do UBND thành phố P cấp ngày 04/4/2018.

Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ thì thửa đất số 926, tờ bản đồ số 6 theo Giấy

chứng nhận số CM 415636 có nguồn gốc do bà Trần Thị S được chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND thành phố P nhưng không phù hợp quy hoạch sử dụng đất (quy hoạch là đất nông nghiệp) theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh B. Do đó, Chi nhánh ban hành công văn số 4046/CNVPĐKĐĐPT ngày 20/7/2020, xin ý kiến Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với các hồ sơ liên quan đến đất chuyển mục đích trước đây chưa đảm bảo theo quy định.

Ngày 03/9/2020, Chi nhánh nhận được Công văn phúc đáp số 1981/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 31/8/2020, của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, nội dung văn bản thể hiện: “Liên quan đến nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng Đ, UBND thành phố P đã có báo cáo số 275/BC-UBND, ngày 04/8/2020, gửi UBND tỉnh về tình hình thực hiện và khắc phục các sai phạm trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, trật tự xây dựng theo Kết luận Thanh tra số 1696KL-UBND, ngày 16/5/2019, của Chủ tịch UBND tỉnh B. Sau khi UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc theo đề xuất của UBND thành phố P thì thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh”. Đồng thời, ngày 22/3/2023 Chi nhánh có công văn số 2120/CNVPĐKĐĐPT, gửi Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B và UBND thành phố P, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo liên quan đến chuyển mục đích sai quy hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND, ngày 13/12/2013, của UBND tỉnh B (nằm ngoài danh sách 132 trường hợp).

Ngày 30/11/2023, UBND tỉnh B ban hành Công văn số 4721/UBND-KT về việc ý kiến về nội dung báo cáo và đề nghị của Sở T1 tại Công văn số 5523/STNMT-CCQLĐĐ ngày 20/11/2023: “...3 *Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, các quy định pháp luật về đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành, có văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các thủ tục đất đai theo đúng quy định.*”

Như vậy, hiện nay Chi nhánh vẫn chưa nhận được ý kiến chỉ đạo giải quyết hồ sơ của cấp có thẩm quyền liên quan đến vướng mắc các trường hợp hồ sơ đã chuyển mục đích chưa đảm bảo theo quy định. Do đó, ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng đã ban hành Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT, về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S. Đồng thời Chi nhánh Văn phòng đã có Công văn số 12474/CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 gửi Phòng T2 để kiểm tra và có ý kiến về việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên. Sau khi các cấp có thẩm quyền có ý kiến chỉ đạo liên quan đến các nội dung vướng mắc của Chi nhánh Văn phòng thì Chi nhánh sẽ thông báo lại cho bà Trần Thị S được biết và phối hợp thực hiện giải quyết hồ sơ theo quy định.

Tại Công văn số 524/VPĐKĐĐ-ĐKCG, ngày 01/3/2024, người bị kiện là

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B trình bày: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B thống nhất ý kiến tại Công văn số 1845/CNVPĐKĐĐPT-TTLT ngày 27/02/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến tại văn bản số 2578/UBND-KSTTHC ngày 02/5/2024 như sau: Thửa đất mà bà Trần Thị S đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất thuộc thửa đất số 926, tờ bản đồ số 6, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 415636, số vào sổ cấp GCN: CH 02085 do UBND thành phố P cấp ngày 04/4/2018 cho bà Trần Thị S có nguồn gốc từ giấy chứng nhận số AM 013480 do UBND thành phố P cấp ngày 08/12/2009 cho bà Trần Thị S.

Ngày 01/02/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND về việc cho phép bà Trần Thị S được chuyển mục đích sử dụng đất (vị trí được thể hiện tại Mảnh chính lý bản đồ địa chính số 239-2017, tờ bản đồ số 06 (215 452 – (7)) do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 11/12/2017). Theo nội dung Quyết định cho phép bà Trần Thị S được chuyển sang sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn với diện tích 300m²; theo đó, bà Trần Thị S được cấp đổi thành Giấy chứng nhận số CM 415636 đối với phần diện tích 300m² này và số CM 415637 đối với phần diện tích 1.748,0m² còn lại (đất lúa).

Tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND thành phố P về việc cho phép bà Trần Thị S được chuyển mục đích sử dụng đất thì trong phần cơ sở pháp lý căn cứ vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố P được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 22/3/2017.

Qua đối chiếu vị trí khu đất cho chuyển mục đích (vị trí được thể hiện tại Mảnh chính lý bản đồ địa chính số 239-2017, tờ bản đồ số 06 (215 452 - (7)) do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai lập ngày 11/12/2017) với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của thành phố P đã được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của thành phố P được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 thì vị trí khu đất xin phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc Quy hoạch đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ điều 52 Luật đất đai năm 2013 thì việc UBND thành phố P cho phép bà Trần Thị S chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn tại Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 là không phù hợp với Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất và không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S.

Do đó, đối với nội dung mà bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S và buộc Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao không thuộc thẩm quyền của UBND thành phố P vì Chi nhánh Văn phòng Đ là đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T1.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tòa án xác định đúng đối tượng khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc khởi kiện của người khởi kiện là còn thời hiệu; TAND tỉnh Bình Thuận giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S:

- Hủy Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Phan Thiết về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Ủy ban nhân dân thành phố P và Chi nhánh Văn phòng Đ nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về xác định đối tượng bị kiện, người bị kiện, người tham gia tố tụng, thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện:

2.1 Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 do Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị S nên là quyết định hành chính bị kiện theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật TTHC.

2.2 Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 55 Nghị định 43/2014/NĐ-CP; khoản 4 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; Điều 3 Thông tư liên tịch 15/2015/TTLT-BTNMT-BNV-BTC thì CNVPĐKĐĐ Phan Thiết là đơn vị hoạch toán phụ thuộc, thực hiện chức năng nhiệm vụ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B. Do đó, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B là người bị kiện theo quy định khoản 9 Điều 3 Luật TTHC.

2.3 UBND thành phố P, Chi nhánh Văn phòng Đ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật TTHC.

2.4 Thẩm quyền thụ lý giải quyết: Đối tượng bị kiện là quyết định hành chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B. Do đó, thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của TAND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 3; khoản 3, Điều 32 Luật TTHC.

2.5 Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 18/12/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT; ngày 25/12/2023, bà S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật TTHC.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thửa đất bà Trần Thị S đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất là thửa đất số 926, tờ bản đồ số 6, diện tích 300m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 415636, do UBND thành phố P cấp ngày 04/4/2018 cho bà Trần Thị S có nguồn gốc từ giấy chứng nhận số AM 013480 do UBND thành phố P cấp ngày 08/12/2009 cho bà Trần Thị S.

Ngày 01/02/2018, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 829/QĐ-UBND về việc cho phép bà Trần Thị S được chuyển mục đích sử dụng đất (vị trí được thể hiện tại Mảnh chính lý bản đồ địa chính số 239-2017, tờ bản đồ số 06 (215 452 – (7)) do Chi nhánh Văn phòng Đ1 ngày 11/12/2017). Theo nội dung Quyết định cho phép bà Trần Thị S được chuyển sang sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn với diện tích 300m². Theo đó, bà Trần Thị S được cấp đổi thành Giấy chứng nhận số CM 415636 đối với phần diện tích 300m² này. Đồng thời, tại mục 6 phần II của giấy chứng nhận QSDĐ nêu trên có ghi chú: Nợ tiền sử dụng đất 48.000.000 đồng theo Thông báo ngày 07/3/2018 của Chi cục thuế thành phố P.

Ngày 29/01/2021, bà S nộp đủ số tiền sử dụng đất nêu trên và sau đó đã nộp hồ sơ đăng ký biến động trả nợ tiền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng Đ. Tuy nhiên, Chi nhánh đã ban hành Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà S.

Xét thấy: Sau khi nộp 48.000.000 đồng (tiền sử dụng đất được ghi nợ) vào ngân sách Nhà nước, bà S đã nộp hồ sơ đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất theo

đúng trình tự, thủ tục quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị định 79/2019/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư 09/2021/TT-BTNMT. Theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị định 79/2019/NĐ-CP thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm rà soát, đối chiếu hồ sơ để thực hiện xóa nợ tiền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận và trả lại Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân ngay trong ngày làm việc. Đối chiếu với quy định trên thì việc Chi nhánh Văn phòng Đ không thực hiện thủ tục xóa nợ tiền sử dụng đất của bà S là không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 01/02/2018 của UBND thành phố P cho phép bà S chuyển mục đích sử dụng đất đến nay chưa bị thu hồi, hủy bỏ. Trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ đối với các trường hợp có nguồn gốc chuyển mục đích sai quy hoạch tương tự như của bà S, Chi nhánh Văn phòng Đ đã có nhiều công văn, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền cấp trên đối với trường hợp chuyển mục đích sai quy hoạch theo Quyết định số 3200, nay đăng ký biến động trả nợ tiền sử dụng đất cho đến nay các cơ quan có thẩm quyền vẫn không có ý kiến, không đưa ra phương án khắc phục mà bỏ mặc hậu quả xảy ra.

Nay, Chi nhánh Văn phòng Đ lấy lý do thừa đất số 926 mà bà S đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng đất không phù hợp với quy hoạch để hoàn trả hồ sơ mà không đưa ra được căn cứ pháp lý nào là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S.

Từ phân tích trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận là có căn cứ pháp luật.

Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S:

- Huỷ Thông báo số 1838/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 18/12/2023 của Chi nhánh VPĐKĐĐ thành phố Phan Thiết về việc hoàn trả hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của bà Trần Thị S.

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí hành chính sơ thẩm: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận, Chi nhánh Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân thành phố P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tố tụng hành chính./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND cấp cao;
- Cục THA tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu